

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST  
Ngày: 08-10-2020.  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Đào.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2019/TLST-KDTM, ngày 24 tháng 9 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-KDTM, ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-KDTM, ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB).

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ2 - Chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Bà Võ Thị Lan A – sinh năm 1988, có mặt.

Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Số 451 Nguyễn Trung Trực, phường V, thành phố R, tỉnh K.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1976 – Chủ doanh nghiệp tư nhân H

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 12/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 25/02/2014, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 34, tổ 1, ấp 11, xã V1, huyện G, tỉnh K.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Xuân D – sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 11, xã V1, huyện G, tỉnh K.

- Ông Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1945, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Trần Thị B – sinh năm 1946, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Th – sinh năm 1985, vắng mặt.
  - Ông Nguyễn Minh Đ1 – sinh năm 1968, vắng mặt.
- Địa chỉ: Ấp Th, xã V2, huyện G, tỉnh K.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A và người đại diện theo ủy quyền lại bà Võ Thị Lan A trình bày: Giữa Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Văn M – Chủ doanh nghiệp tư nhân H có ký các hợp đồng sau:

Vào ngày 28/5/2014, ký hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KIG.DN.405.120514 với hạn mức tín dụng là 400.000.000 đồng, có thời hiệu 60 tháng.

Vào ngày 06/6/2014, ký hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KIG.DN.405.120514/PL với hạn mức tín dụng là 300.000.000 đồng, có thời hiệu 60 tháng.

Ngày 25/11/2015, ký thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng số KIG.DN.564.131115.

Ngày 01/12/2016, ký hợp đồng cấp tín dụng số KIG.DN.128.251116 với hạn mức tín dụng là 700.000.000 đồng, với mục đích bổ sung lưu động sản xuất, gia công các vật liệu tết, bện từ lục bình.

Vào ngày 01/12/2016, ký phụ lục hợp đồng số KIG.DN.128.251116/PL-01.

Ngày 01/12/2017, ký khế ước nhận nợ số KIG.DN,128.251116/KUNN3-TK giải ngân số tiền 700.000.000 đồng.

Ngày 01/12/2016, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D cùng ký cam kết trả nợ cho Ngân hàng TMCP A.

Ngày 28/5/2014, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị B đã dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của ông Nguyễn Văn M và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KIG.BĐDN.226.120514, thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 18.247m<sup>2</sup>, thửa số 5 và 21-b, tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc tại ấp 6 Thắng Lợi, xã V3 cũ (nay là ấp Th, xã V2), huyện G, tỉnh K. toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 027965 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ do ông Đẩu đứng tên vào ngày 15/12/2003.

Ngày 06/6/2014, ông Nguyễn Minh Đ1 đã dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay trên của ông Nguyễn Văn M và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KIG.BĐDN.232.120514, thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 11.048m<sup>2</sup>, thửa số 21-a, tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc tại ấp 6 Thắng Lợi, xã V3 cũ (nay là ấp Th, xã V2), huyện G, tỉnh K, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 027963 cho ông Nguyễn Minh Đ1 đứng tên vào ngày 15/12/2003.

Ngân hàng TMCP A đã tiến hành giải ngân số tiền vay là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng cho ông Nguyễn Văn M theo khế ước nhận nợ số KIG.DN,128.251116/KUNN3-TK, ký ngày 01/12/2017, với thời hạn 06 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng 9%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn M không trả nợ đúng cam kết nên hợp đồng tín dụng của ông Nguyễn Văn M đã quá hạn. Sau khi Ngân hàng TMCP A khởi kiện thì ngày 26/9/2020, vợ chồng ông Măng và bà Diệu đã đến Ngân hàng trả 50.000.000 đồng, nên hiện tại dư nợ gốc bằng 650.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 08/10/2020 là 231.940.589 đồng (trong đó lãi trong hạn là 5.178.082 đồng, phạt lãi trong hạn là 1.220.041 đồng và lãi quá hạn là 225.542.466 đồng). Tổng số nợ cả vốn và lãi là 881.940.589 đồng.

Căn cứ vào cam kết ngày 01/12/2016, giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Xuân D với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải trả hết số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/10/2020 bằng 881.940.589 đồng. Đồng thời, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký cho đến khi tất toán xong khoản vay. Trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D không trả đủ số nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Theo bản tự khai ngày 08/10/2020 bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:* Ông thừa nhận có vay Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 700.000.000 đồng vào ngày 01 tháng 12 năm 2016 theo hợp đồng tín dụng số KIG.DN.128.251116, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh trong quá trình thực hiện hợp đồng do gia đình ông gặp khó khăn nên có trễ hạn với Ngân hàng.

Hiện tại, ông còn nợ Ngân hàng tiền vốn bằng 650.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ đến nay chưa trả. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông xin trả dần cho Ngân hàng theo kỳ hàng tháng với số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 26 hàng tháng, cho đến khi trả hết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Xuân D trình bày trong bản tự khai ngày 20/8/2020 như sau: Vợ chồng bà có vay Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 700.000.000 đồng vào ngày 01 tháng 12 năm 2016, theo hợp đồng tín dụng số KIG.DN.128.251116, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, trong quá trình thực hiện hợp đồng, do gia đình bà gặp khó khăn nên có trễ hạn với Ngân hàng.

Hiện tại, vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng tiền vốn bằng 650.000.000 đồng và tiền lãi. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ chồng bà xin trả dần cho Ngân hàng theo kỳ hàng tháng như sau:

Thời gian trả tính từ ngày 15/9/2020 đến 15/12/2020, mỗi tháng vợ chồng bà trả cho Ngân hàng 20.000.000 đồng.

Thời gian trả tính từ ngày 15/01/2021, mỗi tháng vợ chồng bà trả cho Ngân hàng 40.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Bảy cùng trình bày trong biên bản ghi lời khai ngày 08/10/2019 như sau: Vào năm nào vợ

chồng ông bà không nhớ, con gái tên Nguyễn Xuân D và con rể Nguyễn Văn Mãng có nhờ ông bà vay tiền Ngân hàng để làm ăn, ông đã cho mượn diện tích 18.247m<sup>2</sup>, để thế chấp Ngân hàng, ông bà yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện để vợ chồng ông M, bà D trả nợ cho Ngân hàng, vì nếu xử lý tài sản thế chấp thì ông bà không có nguồn thu nhập để sinh sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1 không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, **ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1** không có mặt ở địa phương được chính quyền địa phương xác nhận **ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1** bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo qui định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng **ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1** vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay yêu cầu của **ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1** trong vụ kiện.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục **kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải**. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. **Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết vụ kiện còn vi phạm**. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo khách quan, công bằng. Đối với **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng mặt** tại phiên tòa thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 xử vắng mặt họ.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của đương sự tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần A** số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 08/10/2020 là 881.940.589 đồng, đồng thời tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng thương mại cổ phần A** được đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và Mãng diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần A** với ông Nguyễn Văn M là tranh chấp về kinh doanh thương mại do các bên đều có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận được quy định tại Điều 30, 35 và **39** của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn M là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị B, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt họ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ1, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Xuân D vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với DNTN H do ông Nguyễn Văn M làm chủ là “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**” với mục đích là vay tài sản nên khi phát sinh tranh chấp áp dụng quy định tại Điều 463, 466, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về chứng cứ: Xét thấy phía bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp chứng cứ, không có ý kiến phản bác cũng như yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền của bị đơn. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Minh Đ1 và bà Nguyễn Xuân D** được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp chứng cứ, không có ý kiến phản bác cũng như yêu cầu độc lập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền của mình.

Theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc ông Nguyễn Văn M – Đại diện DNTN H đã ký các **hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, hợp đồng cấp tín dụng, phụ lục hợp đồng, thỏa thuận về các điều kiện của hợp đồng tín dụng, thỏa thuận về các điều khoản, điều kiện tín dụng chung cùng khế ước nhận nợ** với Ngân hàng TMCP A để vay 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Đồng thời, được ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có tổng **diện tích 29.295m<sup>2</sup>, thửa số 5, 21-b và 21-a, tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc tại ấp 06 Thắng Lợi, xã V3 cũ (nay là ấp Th, xã V2), huyện G, tỉnh K**, để bảo lãnh cho khoản vay trên. Bà Nguyễn Xuân D đã ký **cam kết với** Ngân hàng TMCP A trả số tiền ông M đã vay.

[4] Tại các **hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, hợp đồng cấp tín dụng, phụ lục hợp đồng; Thỏa thuận về các điều kiện của hợp đồng tín dụng; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung cùng khế ước nhận nợ** giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi, mục đích vay. Những quy định trong các hợp đồng, phụ lục hợp đồng, thỏa thuận và khế ước nhận nợ không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày

14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn M không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng đã quá hạn. Ngày 01/12/2016, bà Nguyễn Xuân D cùng ông Nguyễn Văn M ký cam kết trả nợ cho Ngân hàng TMCP A. Tuy nhiên, cho đến nay ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D xin trả dần số tiền trên cho Ngân hàng vào ngày 26 hàng tháng nhưng đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không thống nhất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông M, bà D.

[5] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KIG.BĐDN.226.120514 và KIG.BĐDN.232.120514, ngày 12/5/2014, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1 có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng, chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 027965, diện tích 18.247m<sup>2</sup>, thửa số 5 và 21-b, tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc tại ấp 6 Thắng Lợi, xã Vĩnh Tuy cũ (nay là ấp Thắng Lợi, xã Vĩnh Thắng), huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ do ông Đấu đứng tên vào ngày 15/12/2003 và diện tích 11.048m<sup>2</sup>, thửa số 21-a, tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc tại 06 Thắng Lợi, xã V3 cũ (nay là ấp Th, xã V2), huyện G, tỉnh K, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 027963 cho ông Nguyễn Minh Đ1 đứng tên vào ngày 15/12/2003. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1 đã dùng tài sản của mình để bảo lãnh khoản vay của ông Nguyễn Văn M vì vậy khi ông Nguyễn Văn M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323, Điều 335, Điều 336, Điều 368 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A về phạt vi phạm trên số tiền lãi trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[8] Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ngày 16/9/2020 Tòa án nhận được đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ của Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ thể chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần A để bảo lãnh cho khoản vay của ông Nguyễn Văn M, tuy nhiên, xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này và tài sản thế chấp không có ai tranh chấp nên không cần thiết phải xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

[10] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần A và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[11] Về án phí KDTMST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải nộp án phí là: 38.458.218 đồng.

Yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng đã nộp là 18.132.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005759 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 317, 318, 323, 325, 335, 336, 338, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 881.940.589 (tám trăm tám mươi một triệu

chín trăm bốn mươi nghìn năm trăm tám mươi chín) đồng, gồm có số tiền nợ gốc là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 231.940.589 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **Y 027965**, có diện tích **18.247m<sup>2</sup>**, thửa số **5** và **21-b**, tờ bản đồ số **2-1**, tọa lạc tại **ấp 06 Thắng Lợi, xã V3 cũ (nay là ấp Th, xã V2), huyện G, tỉnh K**, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ do ông Đ đứng tên vào ngày 15/12/2003 và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **Y 027963**, có diện tích **11.048m<sup>2</sup>**, thửa số **21-a**, tờ bản đồ số **2-1**, tọa lạc tại **ấp 06 Thắng Lợi, xã V3 cũ (nay là ấp Th, xã V2), huyện G, tỉnh K**, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh Đ1 đứng tên vào ngày 15/12/2003 để thu hồi nợ.

Khi ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **Y 027965** cho hộ ông Nguyễn Văn Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **Y 027963** cho ông Nguyễn Minh Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Minh Đ1 không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí KDTMST có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Xuân D phải nộp 38.458.218 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại 18.132.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000**5759** ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Thùy Trang**